

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyện vọng	Thứ tự nguyện vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
1	094204010699	NGUYỄN THANH ÂN	26/01/2004	Nam	12A1		1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG	7210403	Thiết kế đồ họa	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H04	Toán, Tiếng Anh, Vẽ Năng khiếu	Hợp lệ	
2	079304010516	LÝ NGỌC BÍCH	11/11/2004	Nữ	12A1	3	1	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
3	079304010516	LÝ NGỌC BÍCH	11/11/2004	Nữ	12A1	3	2	TYS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA	7720301TP	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
4	079304010516	LÝ NGỌC BÍCH	11/11/2004	Nữ	12A1	3	3	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7720301	Điều Dưỡng	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK 1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
5	096204007858	PHAN CÔNG CHỨC	08/09/2004	Nam	12A1	3	1	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720401	Dinh dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
6	096204007858	PHAN CÔNG CHỨC	08/09/2004	Nam	12A1	3	2	TYS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA	7720401TQ	Dinh dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
7	096204007858	PHAN CÔNG CHỨC	08/09/2004	Nam	12A1	3	3	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7720497	Dinh dưỡng và khoa học thực phẩm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
8	086204000102	ĐỖ THANH ĐẠT	19/10/2004	Nam	12A1	5	1	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiến	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
9	086204000102	ĐỖ THANH ĐẠT	19/10/2004	Nam	12A1	5	2	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340101	Quản trị kinh doanh	202	Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
10	086204000102	ĐỖ THANH ĐẠT	19/10/2004	Nam	12A1	5	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520301	Kỹ thuật hóa học	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAH	Toán, Anh, Hóa	Hợp lệ	
11	086204000102	ĐỖ THANH ĐẠT	19/10/2004	Nam	12A1	5	4	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340101C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chất lượng cao (theo	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Hợp lệ	
12	086204000102	ĐỖ THANH ĐẠT	19/10/2004	Nam	12A1	5	5	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
13	079204010707	VÕ THÀNH ĐẠT	05/03/2004	Nam	12A1	1	1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320104	Truyền thông đa phương tiện	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
14	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	1	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
15	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	2	SPK	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7510203D	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (Đại	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
16	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
17	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	4	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520201	Kỹ thuật điện	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
18	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	5	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
19	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	6	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340301C	Kế toán (Chương trình chất lượng	202	Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học	Đại học	Chất lượng cao (theo	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
20	079204010697	LÊ HUỲNH ĐỨC	19/05/2004	Nam	12A1	7	7	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
21	079204006326	LA QUỐC HOÀNG GIANG	11/09/2004	Nam	12A1	3	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
22	079204006326	LA QUỐC HOÀNG GIANG	11/09/2004	Nam	12A1	3	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
23	079204006326	LA QUỐC HOÀNG GIANG	11/09/2004	Nam	12A1	3	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7720301	Điều dưỡng	202	Phương thức 1 (Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
24	079304010529	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	07/11/2004	Nữ	12A1	3	1	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340201	Tài chính ngân hàng	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
25	079304010529	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	07/11/2004	Nữ	12A1	3	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
26	079304010529	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	07/11/2004	Nữ	12A1	3	3	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340201	Tài chính - Ngân hàng	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ	
27	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480103	Kỹ thuật phần mềm	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
28	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
29	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480101	Khoa học máy tính	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
30	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		4	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
31	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		5	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
32	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		6	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480101	Khoa học máy tính	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
33	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		7	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
34	079204010693	NGUYỄN DƯƠNG THANH	25/05/2004	Nam	12A1		8	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7480103	Kỹ thuật phần mềm	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
35	079304004356	THÁI PHẠM MỸ HOÀN	06/02/2004	Nữ	12A1	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét quá quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
36	382053719	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004	Nam	12A1	6	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480101	Khoa học máy tính	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
37	382053719	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004	Nam	12A1	6	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
38	382053719	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004	Nam	12A1	6	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
39	382053719	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004	Nam	12A1	6	4	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
40	382053719	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004	Nam	12A1	6	5	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
41	382053719	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004	Nam	12A1	6	6	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
42	079304010526	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	18/10/2004	Nữ	12A1	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét quá quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
43	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480101	Khoa học máy tính	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
44	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480103	Kỹ thuật phần mềm	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
45	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7480101	Khoa học máy tính - Chương trình	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chất lượng cao (theo	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
46	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	4	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chất lượng cao (theo	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
47	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	5	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7480103	Kỹ thuật phần mềm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
48	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	6	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
49	079304027942	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	Nữ	12A1	7	7	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
50	094204002317	LÊ NGUYỄN ĐĂNG KHOA	16/06/2004	Nam	12A1	1	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
51	079304002281	BÙI THỊ NHƯ LAN	15/02/2004	Nữ	12A1		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
52	079304002281	BÙI THỊ NHƯ LAN	15/02/2004	Nữ	12A1		2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320104	Truyền thông đa phương tiện	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
53	079304002281	BÙI THỊ NHƯ LAN	15/02/2004	Nữ	12A1		3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340115	Marketing	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
54	079304002281	BÙI THỊ NHƯ LAN	15/02/2004	Nữ	12A1		4	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340115	Marketing	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ	
55	212438630	NGUYỄN THÀNH LONG	06/02/2004	Nam	12A1	3	1	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510205C	Công nghệ kỹ thuật Ô tô hệ Chất	200	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	Đại học	Chất lượng cao (do cơ sở	A00	Toán; Vật lý; Hóa học	Hợp lệ	
56	212438630	NGUYỄN THÀNH LONG	06/02/2004	Nam	12A1	3	2	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
57	212438630	NGUYỄN THÀNH LONG	06/02/2004	Nam	12A1	3	3	GHA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO	7520130	Kỹ thuật ô tô	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
58	082304000231	NGUYỄN HÀ THANH MAI	04/08/2004	Nữ	12A1	4	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
59	082304000231	NGUYỄN HÀ THANH MAI	04/08/2004	Nữ	12A1	4	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
60	082304000231	NGUYỄN HÀ THANH MAI	04/08/2004	Nữ	12A1	4	3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320104	Truyền thông đa phương tiện	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
61	082304000231	NGUYỄN HÀ THANH MAI	04/08/2004	Nữ	12A1	4	4	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét quá quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
62	079204016203	LÊ MINH MUỐN	30/10/2004	Nam	12A1	7	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480103	Kỹ thuật phần mềm	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
63	079204016203	LÊ MINH MUỐN	30/10/2004	Nam	12A1	7	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
64	079204016203	LÊ MINH MUỐN	30/10/2004	Nam															

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
80	312574282	TRẦN HANH NHI	26/05/2004	Nữ	12A1	7	7	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H5K	TB Lớp 10 + TB Lớp 11 + TB	Hợp lệ	
81	084303007940	LỖ THỊ CẨM NHUNG	15/10/2003	Nữ	12A1	1	1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
82	079204010695	NGUYỄN THANH PHONG	27/11/2004	Nam	12A1	3	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - Chương trình	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chất lượng cao (theo	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
83	079204010695	NGUYỄN THANH PHONG	27/11/2004	Nam	12A1	3	2	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340201	Tài chính – Ngân hàng	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Lý, Hóa	Hợp lệ	
84	079204010695	NGUYỄN THANH PHONG	27/11/2004	Nam	12A1	3	3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
85	079304016347	LÊ HỒNG PHƯƠNG	15/11/2004	Nữ	12A1	3	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340115	Marketing	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
86	079304016347	LÊ HỒNG PHƯƠNG	15/11/2004	Nữ	12A1	3	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét qua quá học tập cấp THPT (Hoc	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
87	079304016347	LÊ HỒNG PHƯƠNG	15/11/2004	Nữ	12A1	3	3	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340405D	Hệ thống thông tin quản lý (Chương	201	Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
88	027204000067	PHẠM QUỐC TẤN	22/04/2004	Nam	12A1	6	1	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	202	Phương thức xét tuyển quá trình học	Đại học	Tiền tiến	THM	Mã tổ hợp THM: dùng Phương	Hợp lệ	
89	027204000067	PHẠM QUỐC TẤN	22/04/2004	Nam	12A1	6	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chất lượng cao (theo	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
90	027204000067	PHẠM QUỐC TẤN	22/04/2004	Nam	12A1	6	3	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiến	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
91	027204000067	PHẠM QUỐC TẤN	22/04/2004	Nam	12A1	6	4	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
92	027204000067	PHẠM QUỐC TẤN	22/04/2004	Nam	12A1	6	5	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7540101	Công nghệ thực phẩm	202	Xét kết quả học tập học bạ THPT với	Đại học	Chương trình đại trà	A00HB	Toán, Vật lý, Hóa học (HB)	Hợp lệ	
93	027204000067	PHẠM QUỐC TẤN	22/04/2004	Nam	12A1	6	6	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	100 Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
94	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	1	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720201	Dược học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
95	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720201	Dược học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
96	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	3	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
97	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	4	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
98	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	5	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
99	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	6	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
100	082304000229	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	12A1	7	7	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7310401	Tâm lý học	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
101	089304000169	ĐẶNG THỊ THU THỦY	30/09/2004	Nữ	12A1		1	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
102	089304000169	ĐẶNG THỊ THU THỦY	30/09/2004	Nữ	12A1		2	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
103	089304000169	ĐẶNG THỊ THU THỦY	30/09/2004	Nữ	12A1		3	TYS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA	7720601TP	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
104	089304000169	ĐẶNG THỊ THU THỦY	30/09/2004	Nữ	12A1		4	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7720601	Kỹ thuật Xét Nghiệm Y Học	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
105	079304024682	VÕ MINH THỨ	18/04/2004	Nữ	12A1	2	1	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
106	079304024682	VÕ MINH THỨ	18/04/2004	Nữ	12A1	2	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
107	079304016345	NGUYỄN HOÀNG BẢO THY	19/12/2004	Nữ	12A1	1	1	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7720601	Kỹ thuật Xét Nghiệm Y Học	200	Xét kết quả học tập THPT (Hoc bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	3Mon	Học bạ lớp 12 theo tổ hợp 3 môn	Hợp lệ	
108	079304010525	TRẦN THỊ CẨM TIỀN	01/10/2004	Nữ	12A1		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
109	079304010525	TRẦN THỊ CẨM TIỀN	01/10/2004	Nữ	12A1		2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320108	Quan hệ công chúng	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
110	079304010525	TRẦN THỊ CẨM TIỀN	01/10/2004	Nữ	12A1		3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340115	Marketing	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
111	079204005123	TRẦN MINH THỂ TUẤN	27/01/2004	Nam	12A1	2	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng,	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Liên kết với nước ngoài	R00	Tuyển sinh riêng	Hợp lệ	
112	079204005123	TRẦN MINH THỂ TUẤN	27/01/2004	Nam	12A1	2	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
113	335056662	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	Nữ	12A1	6	1	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiến	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
114	335056662	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	Nữ	12A1	6	2	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7310108	Ngành Toán kinh tế	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiến	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
115	335056662	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	Nữ	12A1	6	3	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chương trình	100	Phương thức 5: Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chất lượng cao (theo	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
116	335056662	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	Nữ	12A1	6	4	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340101C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chất lượng cao (theo	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
117	335056662	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	Nữ	12A1	6	5	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
118	335056662	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	Nữ	12A1	6	6	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7340101	Quản trị kinh doanh	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
119	079304010542	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	05/05/2004	Nữ	12A1	4	1	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
120	079304010542	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	05/05/2004	Nữ	12A1	4	2	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720302	Hô sinh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
121	079304010542	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	05/05/2004	Nữ	12A1	4	3	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
122	079304010542	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	05/05/2004	Nữ	12A1	4	4	TYS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA	7720301TP	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
123	046304000164	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	Nữ	12A1	6	1	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiến	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
124	046304000164	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	Nữ	12A1	6	2	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340115C	Marketing (Chương trình chất lượng	100	Phương thức 5: Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chất lượng cao (theo	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
125	046304000164	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	Nữ	12A1	6	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
126	046304000164	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	Nữ	12A1	6	4	NHS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN	7340001	Đại học chính quy chất lượng cao	410	Tổng hợp	Đại học	Chất lượng cao (theo	TH	Tổng hợp	Hợp lệ	
127	046304000164	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	Nữ	12A1	6	5	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340201	Tài chính ngân hàng	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
128	046304000164	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	Nữ	12A1	6	6	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	201	Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
129	079304016330	LẠI THỊ KHÁNH VY	26/07/2004	Nữ	12A1	5	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
130	079304016330	LẠI THỊ KHÁNH VY	26/07/2004	Nữ	12A1	5	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340115	Marketing	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
131	079304016330	LẠI THỊ KHÁNH VY	26/07/2004	Nữ	12A1	5	3	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340115	Marketing	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
132	079304016330	LẠI THỊ KHÁNH VY	26/07/2004	Nữ	12A1	5	4	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340115	Marketing	201	Xét kết quả học theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ	
133	079304016330	LẠI THỊ KHÁNH VY	26/07/2004	Nữ	12A1	5	5	FPT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	F03	Toán, Văn ,Anh, Khoa học xã hội,	Hợp lệ	
134	079304002902	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	10/04/2004	Nữ	12A1	3	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
135	079304002902	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	10/04/2004	Nữ	12A1	3	2	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340301	Kế toán	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
136	079304002902	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	10/04/2004	Nữ	12A1	3	3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340301	Kế toán	200	Xét qua quá học tập cấp THPT (Hoc	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
137	079304010535	PHAN THỊ TƯỜNG VY	29/06/2004	Nữ	12A1	3	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
138	079304010535	PHAN THỊ TƯỜNG VY	29/06/2004	Nữ	12A1	3	2	DLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
139	079304010535	PHAN THỊ TƯỜNG VY	29/06/2004	Nữ	12A1	3	3	TYS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA	7720301TP	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
140	079304027778	TRƯƠNG NHẬT Ý VY	27/02/2004	Nữ	12A1	4	1	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7220201	Ngôn ngữ Anh	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
141	079304027778	TRƯƠNG NHẬT Ý VY	27/02/2004	Nữ	12A1	4	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7220201	Ngôn ngữ Anh	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
142	079304027778	TRƯƠNG NHẬT Ý VY	27/02/2004	Nữ	12A1	4	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	FA7220201	Ngôn ngữ Anh – Chương trình đại	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chất lượng cao (do cơ sở	R00	Tuyển sinh riêng	Hợp lệ	
143	079304027778																		

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
160	079204050987	NGUYỄN HOÀNG THANH	11/04/2004	Nam	12A2	6	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
161	079204050987	NGUYỄN HOÀNG THANH	11/04/2004	Nam	12A2	6	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7380101	Luật	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
162	079204050987	NGUYỄN HOÀNG THANH	11/04/2004	Nam	12A2	6	4	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	CN12	CN12 - Điểm Trung bình cả năm	Hợp lệ	
163	079204050987	NGUYỄN HOÀNG THANH	11/04/2004	Nam	12A2	6	5	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7850103	Nhóm ngành Quản lý đất đai và Kinh	200	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán; Ngữ văn; Tiếng Anh	Hợp lệ	
164	079204050987	NGUYỄN HOÀNG THANH	11/04/2004	Nam	12A2	6	6	NLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG	7850103	Quản lý đất đai	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Lý, Hoá	Hợp lệ	
165	079304033039	VŨ GIA HÂN	27/08/2004	Nữ	12A2	2	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
166	079304033039	VŨ GIA HÂN	27/08/2004	Nữ	12A2	2	2	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
167	079304010506	NGÔ THỊ CẨM HỒNG	20/02/2004	Nữ	12A2	2	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340201	Tài chính - Ngân hàng	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Lý, Hóa	Hợp lệ	
168	079304010506	NGÔ THỊ CẨM HỒNG	20/02/2004	Nữ	12A2	2	2	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200B	Xét kết quả học bạ lớp 12	Đại học	Chương trình đại trà	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Hợp lệ	
169	079204002350	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004	Nam	12A2	6	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	503	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 2	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
170	079204002350	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004	Nam	12A2	6	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	Hợp lệ	
171	079204002350	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004	Nam	12A2	6	3	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ	
172	079204002350	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004	Nam	12A2	6	4	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ	
173	079204002350	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004	Nam	12A2	6	5	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7810201	Quản trị khách sạn	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
174	079204002350	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004	Nam	12A2	6	6	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	200	Xét học bạ lớp 12 theo thi hợp 03 môn	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Lý, Hóa	Hợp lệ	
175	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H5K	TB Lớp 10 + TB Lớp 11 + TB	Hợp lệ	
176	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	2	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H5K	TB Lớp 10 + TB Lớp 11 + TB	Hợp lệ	
177	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H5K	TB Lớp 10 + TB Lớp 11 + TB	Hợp lệ	
178	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	4	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7380101	Luật	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
179	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	5	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
180	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	6	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7380101	Luật	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
181	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	7	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
182	079204047123	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004	Nam	12A2	8	8	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK 1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
183	079204014242	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	12A2	6	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
184	079204014242	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	12A2	6	2	DTM	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
185	079204014242	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	12A2	6	3	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	201	Xét kết quả học tập học bạ THPT với	Đại học	Chương trình đại trà	D07HB	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (HB)	Hợp lệ	
186	079204014242	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	12A2	6	4	DTM	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100	Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
187	079204014242	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	12A2	6	5	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
188	079204014242	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	12A2	6	6	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7540101	Công nghệ thực phẩm	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
189	079204014894	NGUYỄN DUY AN	01/12/2004	Nam	12A2	4	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7460112	Toán ứng dụng	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
190	079204014894	NGUYỄN DUY AN	01/12/2004	Nam	12A2	4	2	QST	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA	7440102	Vật lý học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
191	079204014894	NGUYỄN DUY AN	01/12/2004	Nam	12A2	4	3	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510302C	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm	Đại học	Chất lượng cao (do cơ sở	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
192	079204014894	NGUYỄN DUY AN	01/12/2004	Nam	12A2	4	4	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
193	079204024765	DƯƠNG THÀNH LONG	06/04/2004	Nam	12A2	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
194	079204024765	DƯƠNG THÀNH LONG	06/04/2004	Nam	12A2	2	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480103	Kỹ thuật phần mềm	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
195	079204035036	NGUYỄN TRẦN TRONG	18/05/2004	Nam	12A2	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7210402	Thiết kế công nghiệp	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
196	079204035036	NGUYỄN TRẦN TRONG	18/05/2004	Nam	12A2	2	2	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7220201	Ngôn ngữ Anh	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
197	036304001725	NGUYỄN NGỌC NHI	07/06/2004	Nữ	12A2	3	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
198	036304001725	NGUYỄN NGỌC NHI	07/06/2004	Nữ	12A2	3	2	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7340114	Digital Marketing	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK 1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
199	036304001725	NGUYỄN NGỌC NHI	07/06/2004	Nữ	12A2	3	3	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK 1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
200	079304020607	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	12/06/2004	Nữ	12A2	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
201	079304020607	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	12/06/2004	Nữ	12A2	2	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
202	079204010704	HUỖNH THÀNH PHÁT	07/11/2004	Nam	12A2	5	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7480201CL	Công nghệ thông tin (chương trình	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chất lượng cao (theo	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
203	079204010704	HUỖNH THÀNH PHÁT	07/11/2004	Nam	12A2	5	2	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7480201	Công nghệ thông tin	200B	Xét kết quả học bạ lớp 12	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
204	079204010704	HUỖNH THÀNH PHÁT	07/11/2004	Nam	12A2	5	3	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
205	079204010704	HUỖNH THÀNH PHÁT	07/11/2004	Nam	12A2	5	4	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7480201_QT	Công nghệ thông tin QT	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	Hợp lệ	
206	079204010704	HUỖNH THÀNH PHÁT	07/11/2004	Nam	12A2	5	5	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	503	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 2	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
207	079204010715	NGUYỄN NGỌC PHÚ	26/05/2004	Nam	12A2	3	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340201	Tài chính - Ngân hàng	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
208	079204010715	NGUYỄN NGỌC PHÚ	26/05/2004	Nam	12A2	3	2	DMS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Phương thức 5: Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
209	079204010715	NGUYỄN NGỌC PHÚ	26/05/2004	Nam	12A2	3	3	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiên	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
210	089304000037	HUỖNH LÊ KIM PHÚC	22/04/2004	Nữ	12A2	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
211	089304000037	HUỖNH LÊ KIM PHÚC	22/04/2004	Nữ	12A2	2	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
212	079204010710	NGUYỄN LÊ PHÚC	24/07/2004	Nam	12A2	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
213	079304000862	LẠI THỊ KIM QUYẾN	20/03/2004	Nữ	12A2	1	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7810201	Quản trị khách sạn	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
214	079304000862	LẠI THỊ KIM QUYẾN	20/03/2004	Nữ	12A2	1	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340412	Quản trị sự kiện	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
215	079304000862	LẠI THỊ KIM QUYẾN	20/03/2004	Nữ	12A2	1	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
216	321846610	PHAN GIA TÀI	01/12/2004	Nam	12A2	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	503	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 2	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
217	079204025412	NGÔ KHAI THÀNH	14/01/2004	Nam	12A2	4	1	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
218	079204025412	NGÔ KHAI THÀNH	14/01/2004	Nam	12A2	4	2	GDU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA	7480103	Kỹ thuật phần mềm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
219	079204025412	NGÔ KHAI THÀNH	14/01/2004	Nam	12A2	4	3	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480202	An toàn thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
220	079204025412	NGÔ KHAI THÀNH	14/01/2004	Nam	12A2	4	4	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
221	079204022863	PHẠM XUÂN THÀNH	27/03/2004	Nam	12A2	2	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
222	079204022863	PHẠM XUÂN THÀNH	27/03/2004	Nam	12A2	2	2	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	1							

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
240	080304000096	ĐỖ THỊ NGỌC YÊN	04/07/2004	Nữ	12A2	2	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7480101	Khoa học máy tính	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
241	082304000155	HÀ HUỖNH THUY AN	18/11/2004	Nữ	12A3	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
242	082304000155	HÀ HUỖNH THUY AN	18/11/2004	Nữ	12A3	2	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
243	079304024494	LÊ THỊ KIỀU ANH	01/11/2004	Nữ	12A3	2	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7310101	Kinh tế	200	Xét quả quá học tập cấp THPT (Hoc	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
244	079304024494	LÊ THỊ KIỀU ANH	01/11/2004	Nữ	12A3	2	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét quả quá học tập cấp THPT (Hoc	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
245	079204032663	DƯƠNG VĂN CỎ	24/08/2004	Nam	12A3	1	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
246	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	1	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7480201	Công nghệ thông tin	201	Xét kết quả thi theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ	
247	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	2	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
248	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	3	QSC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480101	Khoa học máy tính	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
249	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	4	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
250	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	5	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
251	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	6	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7480101	Khoa học máy tính	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
252	079204016209	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004	Nam	12A3	7	7	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7480101	Khoa học máy tính	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
253	079304016328	VÕ THỊ MỸ DUYỀN	07/12/2004	Nữ	12A3	3	1	YDS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
254	079304016328	VÕ THỊ MỸ DUYỀN	07/12/2004	Nữ	12A3	3	2	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7720301	Điều Dưỡng	200	Xét kết quả học tập THPT (Hoc bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
255	079304016328	VÕ THỊ MỸ DUYỀN	07/12/2004	Nữ	12A3	3	3	TYS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA	7720301TP	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
256	079204016202	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004	Nam	12A3	6	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
257	079204016202	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004	Nam	12A3	6	2	GTS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	200	Học bạ	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
258	079204016202	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004	Nam	12A3	6	3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
259	079204016202	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004	Nam	12A3	6	4	KQH	HỌC VIỆN KỸ THUẬT	7860220	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật	100	Sử dụng kết quả tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
260	079204016202	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004	Nam	12A3	6	5	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
261	079204016202	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004	Nam	12A3	6	6	QSB	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH	342	Kỹ thuật Ô tô (Chương trình Chuyển	414	PT4: Xét tuyển theo kết quả THPT kết	Đại học	Chất lượng cao (theo	A00	Toán, Lý, Hóa	Hợp lệ	
262	075204000572	NGUYỄN MINH HOÀNG	08/06/2004	Nam	12A3		1	HSU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA	7340115	Marketing	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	XHB5	Xét tuyển học bạ 5 học kỳ	Hợp lệ	
263	079204023827	NGÔ MINH HÙNG	25/01/2004	Nam	12A3	3	1	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7480201	Công nghệ thông tin	200B	Xét kết quả học thi học bạ lớp 12	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
264	079204023827	NGÔ MINH HÙNG	25/01/2004	Nam	12A3	3	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
265	079204023827	NGÔ MINH HÙNG	25/01/2004	Nam	12A3	3	3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
266	079204014046	NGUYỄN LÊ HÙNG	07/10/2004	Nam	12A3	3	1	HHK	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
267	079204014046	NGUYỄN LÊ HÙNG	07/10/2004	Nam	12A3	3	2	HHK	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
268	079204014046	NGUYỄN LÊ HÙNG	07/10/2004	Nam	12A3	3	3	HHK	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
269	212537957	ĐỖ LÊ TRUNG KIẾN	08/11/2004	Nam	12A3	3	1	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7480201	Công nghệ thông tin	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
270	212537957	ĐỖ LÊ TRUNG KIẾN	08/11/2004	Nam	12A3	3	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
271	212537957	ĐỖ LÊ TRUNG KIẾN	08/11/2004	Nam	12A3	3	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
272	242031691	TRẦN HỒ KỶ	11/10/2004	Nam	12A3	1	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
273	079204010686	NGUYỄN THÀNH LONG	22/09/2004	Nam	12A3	1	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
274	079204010684	NGUYỄN HỮU LUÂN	10/11/2004	Nam	12A3	1	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	CN12	CN12 - Điểm Trung bình cả năm	Hợp lệ	
275	079204021333	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	06/08/2004	Nam	12A3	3	1	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7340301	Kế toán	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
276	079204021333	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	06/08/2004	Nam	12A3	3	2	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7340120	Kinh doanh quốc tế	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
277	079204021333	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	06/08/2004	Nam	12A3	3	3	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
278	079204029236	HUỖNH DIỆP THÀNH	03/04/2004	Nam	12A3	2	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
279	079204029236	HUỖNH DIỆP THÀNH	03/04/2004	Nam	12A3	2	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7520103	Kỹ thuật cơ khí	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
280	079203034310	NGUYỄN MINH NHẬT	21/12/2003	Nam	12A3		1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
281	079304046953	NGUYỄN LÊ UYÊN NHI	10/08/2004	Nữ	12A3		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét quả quá học tập cấp THPT (Hoc	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
282	079304023209	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	08/11/2004	Nữ	12A3	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
283	079304023209	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	08/11/2004	Nữ	12A3	2	2	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7420201	Công nghệ sinh học	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ	
284	082304006046	NGUYỄN THỊ YẾN NHƯ	02/08/2004	Nữ	12A3		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét quả quá học tập cấp THPT (Hoc	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
285	082204017609	BUI GIA NHỰT	17/08/2004	Nam	12A3	3	1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VẦN	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
286	082204017609	BUI GIA NHỰT	17/08/2004	Nam	12A3	3	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
287	082204017609	BUI GIA NHỰT	17/08/2004	Nam	12A3	3	3	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
288	080204015402	NGUYỄN TIẾN PHÁT	09/01/2004	Nam	12A3	1	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
289	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	1	FPT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	F03	Toán, Văn ,Anh, Khoa học xã hội,	Hợp lệ	
290	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7480101	Khoa học máy tính - Chương trình	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chất lượng cao (theo	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
291	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chất lượng cao (theo	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
292	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	4	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480101	Khoa học máy tính	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
293	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	5	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
294	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	6	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7480103	Kỹ thuật phần mềm	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
295	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	7	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
296	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	8	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông -	100	Phương thức 2 (Xét kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
297	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	9	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
298	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	10	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480202	An toàn thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
299	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	11	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
300	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	12	DTM	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
301	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	13	NLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
302	035203002008	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003	Nam	12A3	15	14	DSG											

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
320	079204017317	NGUYỄN HOÀNG AN	16/11/2004	Nam	12A4	8	6	LPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
321	079204017317	NGUYỄN HOÀNG AN	16/11/2004	Nam	12A4	8	7	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ TP.	7380101	Luật	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
322	079204017317	NGUYỄN HOÀNG AN	16/11/2004	Nam	12A4	8	8	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
323	079304030457	LÊ THỊ CẨM AN	31/07/2004	Nữ	12A4	2	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	502	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 5	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Hợp lệ	
324	079304030457	LÊ THỊ CẨM AN	31/07/2004	Nữ	12A4	2	2	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Hợp lệ	
325	079204010849	ĐÀO LINH CHUÔNG	28/07/2004	Nam	12A4	3	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	100	100 Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
326	079204010849	ĐÀO LINH CHUÔNG	28/07/2004	Nam	12A4	3	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị khách sạn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
327	079204010849	ĐÀO LINH CHUÔNG	28/07/2004	Nam	12A4	3	3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
328	331950279	ĐỖ HỮU THIÊN CHẤN	26/05/2004	Nam	12A4	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H5K	TB Lớp 10 + TB Lớp 11 + TB	Hợp lệ	
329	331950279	ĐỖ HỮU THIÊN CHẤN	26/05/2004	Nam	12A4	2	2	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H5K	TB Lớp 10 + TB Lớp 11 + TB	Hợp lệ	
330	079204034130	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	17/09/2004	Nam	12A4	1	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7810201	Quản trị khách sạn	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Hợp lệ	
331	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	1	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7580101	Kiến trúc	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
332	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	2	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
333	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	3	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7220209	Ngôn ngữ Nhật	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
334	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	4	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
335	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	5	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
336	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	6	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
337	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	7	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
338	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	8	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7580108	Thiết kế nội thất	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
339	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	9	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7580201	Kỹ thuật xây dựng	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
340	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	10	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7580101	Kiến trúc	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	H01	Toán, Ngữ Văn , Vẽ trang trí màu	Hợp lệ	
341	079204016199	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004	Nam	12A4	11	11	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
342	079304016339	DƯƠNG THỊ QUỲNH	06/04/2004	Nữ	12A4	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
343	079304016339	DƯƠNG THỊ QUỲNH	06/04/2004	Nữ	12A4	2	2	DHV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG	7340101	Quản trị khách sạn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
344	079304026017	TRẦN NGỌC LAN	04/11/2004	Nữ	12A4	4	1	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140219	Sư phạm Địa lý	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C04HB	Văn - Toán - Địa (Học bạ)	Hợp lệ	
345	079304026017	TRẦN NGỌC LAN	04/11/2004	Nữ	12A4	4	2	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140218	Sư phạm Lịch sử	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00HB	Văn - Sử - Địa (Học bạ)	Hợp lệ	
346	079304026017	TRẦN NGỌC LAN	04/11/2004	Nữ	12A4	4	3	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720201	Dược học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ	
347	079304026017	TRẦN NGỌC LAN	04/11/2004	Nữ	12A4	4	4	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720201	Dược học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	Hợp lệ	
348	079304010498	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	29/04/2004	Nữ	12A4	1	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	CN12	CN12 - Điểm Trung bình cả năm	Hợp lệ	
349	301878813	TRẦN TÂN LỘC	12/06/2004	Nam	12A4	2	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	CN12	CN12 - Điểm Trung bình cả năm	Hợp lệ	
350	301878813	TRẦN TÂN LỘC	12/06/2004	Nam	12A4	2	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
351	352727267	PHẠM NGỌC NHƯ	01/12/2004	Nữ	12A4	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320108	Quan hệ công chúng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
352	079204007308	NGÔ ĐỒNG LÊ PHONG	23/09/2004	Nam	12A4		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
353	079204033909	ĐỖ HUY PHƯỚC	26/10/2004	Nam	12A4	2	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7810201	Quản trị khách sạn	501	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 3	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
354	079204033909	ĐỖ HUY PHƯỚC	26/10/2004	Nam	12A4	2	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7210403	Thiết kế đồ họa	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H03	Toán, KHTN, Vẽ Năng khiếu	Hợp lệ	
355	080304000169	LÊ THỊ HỒNG THẨM	18/06/2004	Nữ	12A4	4	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7140201	Giáo dục Mầm non	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	M01	Ngữ văn, Kể chuyện - Đọc diễn	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
356	080304000169	LÊ THỊ HỒNG THẨM	18/06/2004	Nữ	12A4	4	2	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M01	Kể chuyện - Đọc diễn cảm - Ngữ	Hợp lệ	
357	080304000169	LÊ THỊ HỒNG THẨM	18/06/2004	Nữ	12A4	4	3	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M09	Kể chuyện - Đọc diễn cảm - Toán	Hợp lệ	
358	080304000169	LÊ THỊ HỒNG THẨM	18/06/2004	Nữ	12A4	4	4	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
359	385856930	DƯƠNG THỊ MINH THI	02/04/2004	Nữ	12A4	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7810201	Quản trị khách sạn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
360	079304007048	BÙI DƯƠNG THANH TRÚC	07/08/2004	Nữ	12A4	1	1	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M01	Kể chuyện - Đọc diễn cảm - Ngữ	Hợp lệ	
361	366392656	NGUYỄN THÁI NGỌC VY	09/04/2004	Nữ	12A4	4	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
362	366392656	NGUYỄN THÁI NGỌC VY	09/04/2004	Nữ	12A4	4	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7340404	Quản trị nhân lực	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	THPT	ĐTB 1 HK lớp 10, ĐTB 1 HK lớp	Hợp lệ	
363	366392656	NGUYỄN THÁI NGỌC VY	09/04/2004	Nữ	12A4	4	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7720301	Điều dưỡng	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
364	366392656	NGUYỄN THÁI NGỌC VY	09/04/2004	Nữ	12A4	4	4	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340301	Kế toán	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
365	079304017972	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	15/02/2004	Nữ	12A5		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Hợp lệ	
366	079304017972	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	15/02/2004	Nữ	12A5		2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Hợp lệ	
367	079304017972	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	15/02/2004	Nữ	12A5		3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ	
368	079304017972	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	15/02/2004	Nữ	12A5		4	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7720201	Dược học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ	
369	079204010714	NGUYỄN MINH DUY	24/03/2004	Nam	12A5	1	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Hợp lệ	
370	080204000156	BÙI PHONG ĐẠT	24/10/2004	Nam	12A5		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7810201	Quản trị khách sạn	502	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 5	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Hợp lệ	
371	241954904	BÙI TIẾN ĐẠT	16/08/2004	Nam	12A5		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7380101	Luật	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
372	086304000056	LÊ THỊ NGỌC HÂN	05/05/2004	Nữ	12A5	3	1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
373	086304000056	LÊ THỊ NGỌC HÂN	05/05/2004	Nữ	12A5	3	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
374	086304000056	LÊ THỊ NGỌC HÂN	05/05/2004	Nữ	12A5	3	3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480201	Công nghệ thông tin	501	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 3	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
375	079304029619	LÊ NGỌC HIỀN	19/04/2004	Nữ	12A5	1	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Hợp lệ	
376	079204001252	NGUYỄN CHUNG MINH	25/01/2004	Nam	12A5	1	1	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ	
377	079204010685	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	12A5	7	1	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01HB	Toán - Lý - Anh (Học bạ)	Hợp lệ	
378	079204010685	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	12A5	7	2	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140101	Giáo dục học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	B00HB	Toán - Hóa - Sinh (Học bạ)	Hợp lệ	
379	079204010685	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	12A5	7	3	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7140202	Giáo dục tiểu học	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	3Nam	Điểm trung bình cả năm lớp	Hợp lệ	
380	079204010685	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	12A5	7	4	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	3Nam	Điểm trung bình cả năm lớp	Hợp lệ	
381	079204010685	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	12A5	7	5	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7140114	Quản lý giáo dục	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	3Nam	Điểm trung bình cả năm lớp	Hợp lệ	
382	079204010685	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	12A5	7	6	GDU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA	7220201	Ngôn ngữ Anh								

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú	
400	094304002627	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/10/2004	Nữ	12A5	5	1	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	CN12	CN12 - Điểm Trung bình cả năm	Hợp lệ		
401	094304002627	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/10/2004	Nữ	12A5	5	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ		
402	094304002627	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/10/2004	Nữ	12A5	5	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ		
403	094304002627	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/10/2004	Nữ	12A5	5	4	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
404	094304002627	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/10/2004	Nữ	12A5	5	5	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ		
405	079304020116	TRẦN VÕ KIM THUẬN	04/11/2004	Nữ	12A5		1	EVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	Hợp lệ		
406	034204010275	ĐÀO TRỌNG TUẤN	20/04/2004	Nam	12A5		1	DTU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOÀ	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét học bạ	Đại học	Chương trình đại trà	D78	Ngữ Văn, Tiếng Anh, Khoa học	Hợp lệ		
407	034204010275	ĐÀO TRỌNG TUẤN	20/04/2004	Nam	12A5		2	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7220201	Ngôn ngữ Anh	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	D15	Văn, Địa lí, Tiếng Anh	Hợp lệ		
408	034204010275	ĐÀO TRỌNG TUẤN	20/04/2004	Nam	12A5		3	FPT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	F03	Toán, Văn ,Anh, Khoa học xã hội,	Hợp lệ		
409	079204015597	PHẠM VÕ ANH TUẤN	30/11/2004	Nam	12A5		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7320104	Truyền thông đa phương tiện	502	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 5	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ		
410	079204015597	PHẠM VÕ ANH TUẤN	30/11/2004	Nam	12A5		2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7320104	Truyền thông đa phương tiện	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ		
411	079204036603	TRẦN NGUYỄN ANH TUẤN	03/01/2004	Nam	12A5		3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
412	079204036603	TRẦN NGUYỄN ANH TUẤN	03/01/2004	Nam	12A5		3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7580201	Kỹ thuật xây dựng	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
413	079204036603	TRẦN NGUYỄN ANH TUẤN	03/01/2004	Nam	12A5		3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
414	079304025195	ĐOÀN THỊ THU VÂN	17/11/2004	Nữ	12A5		1	DHV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	HB1	Kết quả học tập lớp 12	Hợp lệ		
415	079304010493	LÊ NGUYỄN HAI VY	15/07/2004	Nữ	12A5		3	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M01	Kể chuyện - Đọc diễn cảm - Ngữ	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
416	079304010493	LÊ NGUYỄN HAI VY	15/07/2004	Nữ	12A5		3	NLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG	7340116	Bất động sản	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
417	079304010493	LÊ NGUYỄN HAI VY	15/07/2004	Nữ	12A5		3	NLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
418	079204023499	VÕ HUYNH GIA BAO	28/07/2004	Nam	12A6		1	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7480201	Công nghệ thông tin	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ		
419	079204015195	LA TUẤN CƯỜNG	02/02/2004	Nam	12A6		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Hợp lệ		
420	046304000128	ĐẶNG THANH DOANH	17/06/2004	Nữ	12A6		3	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
421	046304000128	ĐẶNG THANH DOANH	17/06/2004	Nữ	12A6		3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7420201	Công nghệ sinh học	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Hợp lệ		
422	046304000128	ĐẶNG THANH DOANH	17/06/2004	Nữ	12A6		3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7310101	Kinh tế	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
423	079304007741	VÕ NGỌC THỦY DUNG	11/05/2004	Nữ	12A6		5	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340301	Ngành Kế toán	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Tiền tiến	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
424	079304007741	VÕ NGỌC THỦY DUNG	11/05/2004	Nữ	12A6		5	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
425	079304007741	VÕ NGỌC THỦY DUNG	11/05/2004	Nữ	12A6		5	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7310206	Quan hệ quốc tế	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	D15	Văn, Địa lí, Tiếng Anh	Hợp lệ		
426	079304007741	VÕ NGỌC THỦY DUNG	11/05/2004	Nữ	12A6		5	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7310608	Đồng phương học	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	D15	Văn, Địa lí, Tiếng Anh	Hợp lệ		
427	079304007741	VÕ NGỌC THỦY DUNG	11/05/2004	Nữ	12A6		5	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	Hợp lệ		
428	079304010541	SEN THANH HÀ	30/08/2004	Nữ	12A6		1	DHV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	HB1	Kết quả học tập lớp 12	Hợp lệ		
429	079204016513	DƯƠNG GIA HẢO	29/08/2004	Nam	12A6		1	HVC	HỌC VIỆN CÁN BỘ THANH	7760101	Công tác xã hội	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	VĂN-SƯ-ĐỊA	Hợp lệ		
430	079204016513	DƯƠNG GIA HẢO	29/08/2004	Nam	12A6		2	HVC	HỌC VIỆN CÁN BỘ THANH	7310205	Quản lý nhà nước	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	VĂN-SƯ-ĐỊA	Hợp lệ		
431	079204016513	DƯƠNG GIA HẢO	29/08/2004	Nam	12A6		3	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
432	079204016513	DƯƠNG GIA HẢO	29/08/2004	Nam	12A6		4	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7810101	Du lịch	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán		
433	245469086	TRẦN TẤN HOAN	05/10/2004	Nam	12A6		2	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
434	245469086	TRẦN TẤN HOAN	05/10/2004	Nam	12A6		2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7480201	Công nghệ thông tin	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ		
435	079304010497	NGÔ THỊ THUỶ LINH	25/11/2004	Nữ	12A6		3	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7310608	Đồng phương học	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Hợp lệ		
436	079304010497	NGÔ THỊ THUỶ LINH	25/11/2004	Nữ	12A6		3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ		
437	079304010497	NGÔ THỊ THUỶ LINH	25/11/2004	Nữ	12A6		3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Hợp lệ		
438	084303000133	NGUYỄN HOÀNG MINH	30/11/2003	Nữ	12A6		3	DSD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	S	Năng khiếu - Văn (học bạ)	Hợp lệ		
439	084303000133	NGUYỄN HOÀNG MINH	30/11/2003	Nữ	12A6		3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7210205	Thanh nhạc	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	N00	Văn - Năng khiếu 1 - Năng khiếu	Hợp lệ		
440	084303000133	NGUYỄN HOÀNG MINH	30/11/2003	Nữ	12A6		3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7810201	Quản trị khách sạn	502	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 5	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ		
441	079204024444	CAO BAO LONG	09/02/2004	Nam	12A6		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
442	079304009308	QUÁCH TỬ NGA	05/12/2004	Nữ	12A6		6	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
443	079304009308	QUÁCH TỬ NGA	05/12/2004	Nữ	12A6		6	2	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
444	079304009308	QUÁCH TỬ NGA	05/12/2004	Nữ	12A6		6	3	DTM	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	200	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
445	079304009308	QUÁCH TỬ NGA	05/12/2004	Nữ	12A6		6	4	DLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
446	079304009308	QUÁCH TỬ NGA	05/12/2004	Nữ	12A6		6	5	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Hợp lệ	
447	079304009308	QUÁCH TỬ NGA	05/12/2004	Nữ	12A6		6	6	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
448	068204000171	NGUYỄN MINH NHẬT	06/12/2004	Nam	12A6		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Hợp lệ		
449	079304027082	TRỊNH HOÀNG TUYẾT NHI	26/03/2004	Nữ	12A6		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7810201	Quản trị khách sạn	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Hợp lệ		
450	079304027082	TRỊNH HOÀNG TUYẾT NHI	26/03/2004	Nữ	12A6		2	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M01	Kể chuyện - Đọc diễn cảm - Ngữ	Hợp lệ		
451	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	1	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
452	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	2	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C19HB	Văn - Toán - GDCC (Học bạ)	Hợp lệ	
453	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	3	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140204	Giáo dục Công dân	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
454	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	4	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140204	Giáo dục Công dân	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C19HB	Văn - Toán - GDCC (Học bạ)	Hợp lệ	
455	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	5	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7760101	Công tác xã hội	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
456	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	6	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7760101	Công tác xã hội	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00HB	Văn - Sử - Địa (Học bạ)	Hợp lệ	
457	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	7	DLS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO	7760101	Công tác xã hội	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
458	079204016200	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004	Nam	12A6		8	8	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7310403	Tâm lý học giáo dục	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
459	080204000496	TRẦN TẮC QUYỀN	18/09/2004	Nam	12A6		2	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340122	Thương mại điện tử	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Văn, Sử, Địa	Hợp lệ	
460	080204000496	TRẦN TẮC QUYỀN	18/09/2004	Nam	12A6		2	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340412	Quản trị sự kiện	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Văn, Sử, Địa	Hợp lệ	
461	079204019091	NGÔ THANH TÂM	29/09/2004	Nam	12A6		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN	7320104	Truyền thông đa phương tiện	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ		
462	079304025897	HỨA THIÊN THANH	14/09/2004	Nữ	12A6		3	1	DHV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG	7340115	Marketing	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
463	0793																			

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
480	079304004220	PHAM THỊ XUÂN TRÚC	20/07/2004	Nữ	12A6	4	3	FPT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	F03	Toán, Văn ,Anh, Khoa học xã hội,	Hợp lệ	
481	079304004220	PHAM THỊ XUÂN TRÚC	20/07/2004	Nữ	12A6	4	4	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Văn, Sử, Địa	Hợp lệ	
482	079304010505	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	02/11/2004	Nữ	12A6	4	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
483	079304010505	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	02/11/2004	Nữ	12A6	4	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7810201	Quản trị khách sạn	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
484	079304010505	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	02/11/2004	Nữ	12A6	4	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
485	079304010505	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	02/11/2004	Nữ	12A6	4	4	HIU	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	5HK	5 Học Kỳ (HK1,2 lớp 10, HK 1,2	Hợp lệ	
486	079204003405	LÊ CÔNG VINH	11/03/2004	Nam	12A6	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	200	200 Xét kết quả học tập THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
487	079204003405	LÊ CÔNG VINH	11/03/2004	Nam	12A6	2	2	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7480201	Công nghệ thông tin	200A	Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
488	079304003315	ĐỖ THUY THANH XUÂN	12/07/2004	Nữ	12A6		1	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7310608	Đông phương học	200B	Xét kết quả học bạ lớp 12	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
489	079304003315	ĐỖ THUY THANH XUÂN	12/07/2004	Nữ	12A6		2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7310608	Đông phương học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Hợp lệ	
490	079304003315	ĐỖ THUY THANH XUÂN	12/07/2004	Nữ	12A6		3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7310608	Đông phương học	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Văn, Sử, Địa	Hợp lệ	
491	079304003315	ĐỖ THUY THANH XUÂN	12/07/2004	Nữ	12A6		4	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7310608	Đông phương học	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
492	079304033404	DƯƠNG QUỲNH ANH	27/11/2004	Nữ	12A7	3	1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
493	079304033404	DƯƠNG QUỲNH ANH	27/11/2004	Nữ	12A7	3	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
494	079304033404	DƯƠNG QUỲNH ANH	27/11/2004	Nữ	12A7	3	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340115	Marketing	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
495	079204010681	TRƯƠNG GIA BẢO	25/09/2004	Nam	12A7	4	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
496	079204010681	TRƯƠNG GIA BẢO	25/09/2004	Nam	12A7	4	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Lý, Hóa	Hợp lệ	
497	079204010681	TRƯƠNG GIA BẢO	25/09/2004	Nam	12A7	4	3	IUH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510202	Công nghệ chế tạo máy	200	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán; Vật lý; Hóa học	Hợp lệ	
498	079204010681	TRƯƠNG GIA BẢO	25/09/2004	Nam	12A7	4	4	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7480103	Kỹ thuật phần mềm	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
499	079304016437	NGÔ THỊ THUY CHÂU	14/09/2004	Nữ	12A7	4	1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
500	079304016437	NGÔ THỊ THUY CHÂU	14/09/2004	Nữ	12A7	4	2	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
501	079304016437	NGÔ THỊ THUY CHÂU	14/09/2004	Nữ	12A7	4	3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340115	Marketing	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
502	079304016437	NGÔ THỊ THUY CHÂU	14/09/2004	Nữ	12A7	4	4	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340115	Marketing	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
503	079303034625	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	25/01/2003	Nữ	12A7	5	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
504	079303034625	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	25/01/2003	Nữ	12A7	5	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	503	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 2	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
505	079303034625	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	25/01/2003	Nữ	12A7	5	3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
506	079303034625	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	25/01/2003	Nữ	12A7	5	4	KSA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340404	Ngành Quản trị nhân lực	201	Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi	Đại học	Tiền tiến	HSG	Mã tổ hợp HSG: dùng Phương	Hợp lệ	
507	079303034625	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	25/01/2003	Nữ	12A7	5	5	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
508	079204017847	TRẦN THÀNH ĐẠT	06/04/2004	Nam	12A7	3	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TAL	Toán, Anh, Lý	Hợp lệ	
509	079204017847	TRẦN THÀNH ĐẠT	06/04/2004	Nam	12A7	3	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
510	079204017847	TRẦN THÀNH ĐẠT	06/04/2004	Nam	12A7	3	3	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7480201	Công nghệ thông tin	201	201 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
511	037204005585	LÂM VĂN HAI	12/04/2004	Nam	12A7	3	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
512	037204005585	LÂM VĂN HAI	12/04/2004	Nam	12A7	3	2	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7580302	Quản lý xây dựng	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
513	037204005585	LÂM VĂN HAI	12/04/2004	Nam	12A7	3	3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	100 Sử dụng kết quả tốt nghiệp	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
514	079204009859	CAO CHÍ HẢO	22/07/2004	Nam	12A7		1	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320104	Truyền thông đa phương tiện	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Hợp lệ	
515	079304018030	MAI THANH HẰNG	11/10/2004	Nữ	12A7	3	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
516	079304018030	MAI THANH HẰNG	11/10/2004	Nữ	12A7	3	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7380101	Luật	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
517	079304018030	MAI THANH HẰNG	11/10/2004	Nữ	12A7	3	3	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7310401	Tâm lý học	500	Xét kết quả học Học bạ - Điểm trung	Đại học	Chương trình đại trà	DTB12	Điểm trung bình chung cả năm	Hợp lệ	
518	096302001129	DƯƠNG BẢO HÂN	13/06/2002	Nữ	12A7	4	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
519	096302001129	DƯƠNG BẢO HÂN	13/06/2002	Nữ	12A7	4	2	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
520	096302001129	DƯƠNG BẢO HÂN	13/06/2002	Nữ	12A7	4	3	QXS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA	7229030	VĂN HỌC	100	Phương thức 3: xét tuyển dựa vào kết	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
521	096302001129	DƯƠNG BẢO HÂN	13/06/2002	Nữ	12A7	4	4	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7220201	Ngôn ngữ Anh	502	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 5	Đại học	Chương trình đại trà	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	Hợp lệ	
522	079204016197	NGUYỄN PHAN TRUNG	28/05/2004	Nam	12A7	2	1	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Hợp lệ	
523	079204016197	NGUYỄN PHAN TRUNG	28/05/2004	Nam	12A7	2	2	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Hợp lệ	
524	079204003249	NGUYỄN TUẤN KIẾT	19/03/2004	Nam	12A7	3	1	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7320104	Truyền thông đa phương tiện	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
525	079204003249	NGUYỄN TUẤN KIẾT	19/03/2004	Nam	12A7	3	2	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du	320	Phương thức 3 (Ưu tiên xét tuyển theo	Đại học	Chương trình đại trà	VAS	Văn, Anh, Sử	Hợp lệ	
526	079204003249	NGUYỄN TUẤN KIẾT	19/03/2004	Nam	12A7	3	3	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành:	320	Phương thức 3 (Ưu tiên xét tuyển theo	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
527	079304010536	PHẠM ỨT XUÂN LAN	10/09/2004	Nữ	12A7	3	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
528	079304010536	PHẠM ỨT XUÂN LAN	10/09/2004	Nữ	12A7	3	2	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M09	Kế chuyên - Đọc điển cảm - Toán-	Hợp lệ	
529	079304010536	PHẠM ỨT XUÂN LAN	10/09/2004	Nữ	12A7	3	3	DSG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340101	Quản trị kinh doanh	200	200 Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	H3K	TB HK1 Lớp 11 + TB HK2 Lớp	Hợp lệ	
530	079304005188	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	16/08/2004	Nữ	12A7	6	1	DTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành:	202	Phương thức 1 (Xét học bạ 6 học kỳ) -	Đại học	Chương trình đại trà	TVA	Toán, Văn, Anh	Hợp lệ	
531	079304005188	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	16/08/2004	Nữ	12A7	6	2	HHK	HOC VIỆN HÀNG KHÔNG	7340404	Quản trị nhân lực	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
532	079304005188	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	16/08/2004	Nữ	12A7	6	3	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7340406	Quản trị văn phòng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
533	079304005188	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	16/08/2004	Nữ	12A7	6	4	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	501	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 3	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
534	079304005188	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	16/08/2004	Nữ	12A7	6	5	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7310401	Tâm lý học	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Văn, Sử, Anh	Hợp lệ	
535	079304005188	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	16/08/2004	Nữ	12A7	6	6	UEF	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH	7340404	Quản trị nhân lực	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình	Đại học	Chương trình đại trà	TTB	Tổng điểm trung bình HK1 lớp	Hợp lệ	
536	094304000087	LAI THỊ KIM NGOC	10/03/2004	Nữ	12A7	1	1	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7760101	Công tác xã hội	100	Xét tuyển kết quả thi TN THPT	Đại học	Chương trình đại trà	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
537	079304010538	SEN THANH NGOC	30/08/2004	Nữ	12A7	1	1	DHV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	HB1	Kết quả học tập lớp 12	Hợp lệ	
538	079304010522	NGUYỄN HỒNG NHUNG	02/06/2004	Nữ	12A7	1	1	SGD	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
539	372053970	PHẠM XUÂN PHONG	13/03/2004	Nam	12A7	2	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340301	Kế toán	501	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 3	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
540	372053970	PHẠM XUÂN PHONG	13/03/2004	Nam	12A7	2	3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7580302	Quản lý xây dựng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
541	079204051187	LÊ NGỌC PHỬ	06/04/2004	Nam	12A7		1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340101	Quản trị kinh doanh	501	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 3	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
542	079204016198	VÕ MINH PHỤNG	25/03/2004	Nam	12A7		1	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340101C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chất lượng cao (theo	D96	Toán, Khoa học		

STT	Số CMND	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp 12	Tổng số nguyên vọng	Thứ tự nguyên vọng	Mã trường	Tên trường	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Trạng thái	Ghi chú
560	079304010492	PHẠM NGUYỄN THANH	23/06/2004	Nữ	12A7	4	4	DNT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI	7220201	Ngôn ngữ Anh	200B	Xét kết quả học bạ lớp 12	Đại học	Chương trình đại trà	D14	Văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Hợp lệ	
561	191975724	TRẦN THỊ ANH TRÚC	02/11/2004	Nữ	12A7	4	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	503	Xét kết quả học Học bạ - 03 môn 2	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
562	191975724	TRẦN THỊ ANH TRÚC	02/11/2004	Nữ	12A7	4	2	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320108	Quan hệ công chúng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
563	191975724	TRẦN THỊ ANH TRÚC	02/11/2004	Nữ	12A7	4	3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7320108	Quan hệ công chúng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
564	191975724	TRẦN THỊ ANH TRÚC	02/11/2004	Nữ	12A7	4	4	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
565	331949959	PHẠM NGUYỄN NGỌC	12/11/2004	Nữ	12A7	3	1	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340101C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chất lượng cao (theo	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng	Hợp lệ	
566	331949959	PHẠM NGUYỄN NGỌC	12/11/2004	Nữ	12A7	3	2	DKC	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7340115	Marketing	202	202 Xét kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	3HK	HK1.11, HK2.11, HK1.12	Hợp lệ	
567	331949959	PHẠM NGUYỄN NGỌC	12/11/2004	Nữ	12A7	3	3	DVL	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7340115	Marketing	200	Xét kết quả học tập cấp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Hợp lệ	
568	079304010495	ĐẶNG TRẦN THANH VÂN	22/04/2004	Nữ	12A7	3	1	DVH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN	7810201	Quản trị khách sạn	200	Xét quả quả học tập cấp THPT (Học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
569	079304010495	ĐẶNG TRẦN THANH VÂN	22/04/2004	Nữ	12A7	3	2	NTT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7810201	Quản trị khách sạn	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Hợp lệ	
570	079304010495	ĐẶNG TRẦN THANH VÂN	22/04/2004	Nữ	12A7	3	3	SPS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Đã ghi NV - Chưa thanh toán	
571	079304018050	TÔNG THỊ HOÀNG YẾN	16/10/2004	Nữ	12A7	3	1	DCT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	201	Xét kết quả học tập học bạ THPT với	Đại học	Chương trình đại trà	D01HB	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (HB)	Hợp lệ	
572	079304018050	TÔNG THỊ HOÀNG YẾN	16/10/2004	Nữ	12A7	3	2	MBS	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.	7340115	Marketing	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT (học	Đại học	Chương trình đại trà	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Hợp lệ	
573	079304018050	TÔNG THỊ HOÀNG YẾN	16/10/2004	Nữ	12A7	3	3	CM3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT với	Cao đẳng	Chương trình đại trà	M09	Kể chuyện - Đọc diễn cảm - Toán -	Hợp lệ	